TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHƯỚC LONG** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 17 – 6 – 2025
Về việc ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Tuấn

2. Ông Trần Văn Phước

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 141/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2025 về việc "ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 199/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị B, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 3 năm 2024 và lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Lê Thị B trình bày: Chị và anh Nguyễn Hoàng T thông qua mai mối nên quen biết và tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2023, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu theo giấy chứng nhận kết hôn số 16 ngày 07/02/2023. Thời gian đầu, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc, khoảng tháng 9 năm 2024, chị và anh T bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh T không lo làm ăn. Vì vậy, từ tháng 09 năm

2024 cho đến nay, chị và anh T đã ly thân. Trong thời gian ly thân chị và anh T không có liên lạc để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Về con chung, tài sản chung, nợ chung không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Hoàng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, giải quyết cho chị Lê Thị B ly hôn với anh Nguyễn Hoàng T. Về con chung, tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí, chị B phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị B khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hoàng T. Khi khởi kiện, anh Thiên T1 tại ấp P, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, chị B có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự giải quyết vắng mặt chị B và anh T.

[3] Về hôn nhân: Chị B và anh T xây dựng hôn nhân năm 2023, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P theo giấy chứng nhận kết hôn số 16, cấp ngày 07/02/2023 nên hôn nhân giữa chị B và anh T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét thấy, theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, theo chị B xác định thời gian đầu, chị B và anh T chung sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 9 năm 2024, chị B và anh T phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống chung không hạnh phúc, không hàn gắn được. Chị B và anh T đã ly thân từ tháng 9 năm 2024 cho đến nay.

Trong thời gian ly thân, chị B và anh T không có liên lạc để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặt khác, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T không đến Tòa án và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị B, như vậy anh T đã bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân này. Từ đó, cho thấy hôn nhân giữa chị B và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị B, cho chị B được ly hôn với anh T.

[4] Về con chung: Chị Lê Thị B xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng. Anh Nguyễn Hoàng T không phải chịu án phí.

[7] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Lê Thị B đối với anh Nguyễn Hoàng T. Cho chị Lê Thị B ly hôn với anh Nguyễn Hoàng T.

2. Về con chung: Chị Lê Thị B xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Chị Lê Thị B phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị Lê Thị B đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0003352 ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long được chuyển thu án phí. Anh Nguyễn Hoàng T không phải chịu án phí.

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi Cục THADS huyện Phước Long;
- UBND xã Vĩnh Thanh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Nguyễn Hồng Đào